

NHÌN LẠI TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI QUÝ I NĂM 2002

Trong báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý 1, năm 2002 của Tổng cục thống kê, có đoạn kết nhận định: "Tóm lại, diễn biến kinh tế xã hội quý I/2002 có những mặt tích cực và tiến bộ. Tổng sản phẩm trong nước tăng 6,6%; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 13,8%; vụ đông xuân tiếp tục được mùa; thu ngân sách đạt 25% dự toán cả năm và là tỷ lệ cao trong các quý I những năm gần đây; đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp dân cư, nhất là nông dân tiếp tục được cải thiện.

Tuy nhiên, khó khăn vẫn còn lớn, nổi bật là xuất khẩu giảm sút nhiều; nếu không có các biện pháp kịp thời khắc phục thì không những khó đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế đề ra, nhất là mục tiêu tăng kim ngạch xuất khẩu 10-13%, mà còn tác động không nhỏ đến sản xuất và đời sống trong những tháng tới". Những nhận định trên rõ ràng chỉ ra hai mặt: phát triển và suy thoái của một số khu vực trong nền kinh tế thể hiện trong hệ thống số liệu thống kê được công bố (xem bảng 1)

Bảng 1: Tổng sản phẩm trong nước quý I của các khu vực

	Theo giá hiện hành		Theo giá so sánh 1994	
	Tổng số (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Tốc độ phát triển so với quý 1 năm 2001 (%)
Tổng số	109180	100,0	62213	106,6
Nông lâm nghiệp và thủy sản	17458	16,0	9582	102,1
Công nghiệp và xây dựng	46015	42,1	25355	109,3
Dịch vụ	45707	41,9	27276	105,8

Từ bảng số liệu trên thấy rằng, trong quý I/2002 tổng sản phẩm trong nước có tỷ lệ tăng và tăng đều ở cả 3 khu vực; Nông lâm thủy sản; công nghiệp và xây dựng cơ bản cũng như dịch vụ.

Ngành sản phẩm sút giảm rõ ràng là công nghiệp khai thác mỏ, mà đặc biệt là khai thác dầu mỏ và khí đốt (chỉ đạt 95,9% về giá trị so với quý I năm 2001). Kéo theo là xuất khẩu giảm sút mạnh so với năm 2001 chỉ đạt 88,0%, nguyên nhân chính là do xuất khẩu dầu thô giảm cả về sản lượng (97,2%) và giá trị (74,5%); và thu từ dầu thô chỉ đạt: 74,1% so với quý I/2001 (xem bảng 2).

Sản xuất nông nghiệp ổn định và đang có những dấu hiệu cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng giảm nhẹ diện tích cây lương thực và tăng nhẹ diện tích cây công nghiệp. Sự chuyển động uyển chuyển này không tạo ra sốc mà vẫn giữ được sự ổn định cho nền kinh tế đất nước mà khu vực nông nghiệp vẫn giữ một vai trò quyết định (xem bảng 3 và bảng 4).

Tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng thuộc vốn ngân sách cho thấy các địa phương triển khai còn chậm (19,2% kế hoạch), đơn vị thực hiện nhanh nhất là Bộ giao thông (32,5% kế hoạch), (xem bảng 5).

**Bảng 2: Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 3 và quý I năm 2002
(giá so sánh 1994)**

	Thực hiện (tỷ đồng)			Tháng 3 năm 2002 so với tháng 3 năm 2001 (%)	Quý I năm 2002 so với quý I năm 2001 (%)
	2 tháng đầu năm 2002	Ước tháng 3 năm 2002	Cộng dồn cả quý I năm 2002		
Tổng số	39437	21296	60733	112,8	113,8
Khu vực doanh nghiệp Nhà nước	16408	8548	24956	110,0	1131,3
- Trung ương	11066	5886	16952	110,8	111,5
- Địa phương	5342	2662	8004	108,2	110,8
Khu vực ngoài quốc doanh	9336	5027	14363	119,0	121,2
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	13693	7721	21414	112,3	112,0
- Dầu mỏ và khí đốt	4336	2266	6602	99,0	97,8
- Các ngành khác	9357	5455	14812	118,9	119,7

Bảng 3: Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 3 năm 2002

	Thực hiện cùng kỳ năm trước (nghìn ha)	Thực hiện kỳ này (nghìn ha)	Thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (%)
1. Gieo cấy lúa đông xuân	2995,3	2960,4	98,8
Miền Bắc	1129,0	1120,3	99,2
Trong đó: Đồng bằng sông Hồng	515,5	507,9	98,5
Miền Nam	1866,3	1840,1	98,6
Trong đó: Đồng bằng sông Cửu Long	1537,0	1511,8	98,4
2. Thu hoạch lúa đ/xuân ở M/Nam	772,9	714,6	92,5
Trong đó: Đồng bằng sông Cửu Long	730,1	688,5	94,3
3. Gieo cấy lúa hè thu ở miền Nam	131,6	118,5	90,0
4. Gieo trồng ngô	253,3	261,4	103,2
5. Gieo trồng cây chất bột có củ			
Khoai lang	176,8	160,2	90,6
Sắn	71,4	70,0	98,0
6. Gieo trồng cây công nghiệp			
Lạc	149,1	152,0	101,9
Đậu tương	37,0	47,8	129,2
Thuốc lá	18,6	19,4	104,3
Mía	24,5	39,2	160,0
7. Gieo trồng rau đậu	241,1	275,3	114,2

**Bảng 4 : Giá trị sản xuất Nông Lâm nghiệp và thủy sản quý I năm 2002
(giá so sánh 1994)**

Đơn vị : Tỷ đồng

	Thực hiện quý I/2001	Ước thực hiện quý I/2002	Quý I/2002 so với quý I/2001 (%)
Tổng số	32829,5	33681,6	102,6
Nông nghiệp	25583,2	26094,1	102,0
Trồng trọt	19599,2	19893,8	101,5
Chăn nuôi	5294,0	5497,2	103,8
Dịch vụ	690,0	703,1	101,9
Lâm nghiệp	1427,0	1445,9	101,3
Thủy sản	5819,3	6141,6	105,5
Nuôi trồng	2224,7	2471,4	111,1
Khai thác	3594,6	3670,2	102,1

Bảng 5 : Thực hiện vốn đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước tập trung tháng 3 và quý I năm 2002

	Thực hiện (tỷ đồng)			Quý I/2002 so với quý I/2001 (%)
	2 tháng đầu năm 2002	Ước thực hiện tháng 3 năm 2002	Cộng dồn cả quý I năm 2002	
Tổng số	3240,4	1979,9	5220,3	24,2
Trung ương	2221,9	1369,6	3591,5	27,4
Địa phương	1018,5	610,3	1628,8	19,2
Một số Bộ				
Bộ Công nghiệp	21,7	11,4	33,1	16,0
Bộ Xây dựng	14,8	5,2	20,0	23,0
Bộ NN và PTNT	337,5	182,0	519,5	23,6
Bộ Thủy sản	13,8	15,0	28,8	15,9
Bộ Giao thông vận tải	1288,5	637,5	1926,0	32,5
Bộ GD và đào tạo	43,0	43,0	86,0	19,9
Bộ VH và Thông tin	25,9	18,8	44,7	19,0
Bộ Y tế	37,2	20,1	57,3	8,6

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tăng 11,8%, cùng sự thay đổi không nhiều của chỉ số giá trong những tháng đầu năm cho thấy sự bền vững của thị trường hàng hoá; tuy nhiên, tháng 3 so với tháng 2/2002 chỉ số giá tụt 0,8% cho thấy sức mua có chiều hướng giảm và có thể tạo ra tình trạng ngưng trệ của thị trường.

Xuất khẩu với sự giảm sút ở hầu hết các khu vực là lời cảnh báo đúng như

nhận định chung đã đưa ra ở phần đầu Nhập khẩu vẫn trong tình trạng ổn định (tăng 2,5%). Thực tế số liệu cho thấy sự phụ thuộc của xuất khẩu nước ta vào bối cảnh chung của nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt thị trường dầu mỏ là một thị trường phức tạp và bị tác động rất mạnh trước tình hình địa chính trị của thế giới và khu vực Trung đông nóng bỏng.

Bảng 6: Xuất khẩu tháng 3 và quý I năm 2002

	Thực hiện 2 tháng đầu năm 2002	Ước thực hiện tháng 3 năm 2002	Cộng dồn quý I/2002	Quý I/2002 so với quý I/2001
Tổng trị giá	1942	1250	3192	88,0
Khu vực kinh tế trong nước	976	683	1659	85,2
Khu vực có vốn đầu tư N.N	966	567	1533	91,2
Dầu thô	400	217	617	74,5
Hàng hoá khác	566	350	916	107,0

Về tình hình xã hội, điểm nổi bật là tỷ lệ số hộ và nhân khẩu thiếu đói so với cùng kỳ năm trước đã giảm đáng kể (xem bảng 7); sự ổn định và tiếp tục tăng trưởng của nền kinh tế đã mang lại kết quả rõ ràng. Các hoạt

động y tế cộng đồng đã mang lại kết quả khả quan, đặc biệt trong lĩnh vực phòng các dịch bệnh, nhất là sốt rét giảm rất nhiều; tuy nhiên một số bệnh xã hội như nhiễm HIV có chiều hướng gia tăng.

Bảng 7: Số hộ và nhân khẩu thiếu đói giáp hạt các tháng trong quý I/2002

	Số hộ (Nghìn hộ)	Số nhân khẩu (Nghìn người)	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước (%)	
			Số hộ	Số nhân khẩu
Tháng 1	128,2	601,8	102,7	107,2
Tháng 2	152,1	685,1	76,7	76,4
Tháng 3 (ước)	188,9	882,1	83,1	85,1

Những nét phác thảo chính trên đây cho chúng ta thấy một số điểm chính của hiện trạng nền kinh tế trong quý I/2002 như sau:

+ Tình hình kinh tế - xã hội nước ta đang trong giai đoạn phát triển ổn định - tăng đều ở hầu khắp các khu vực.

+ Tác động của tình hình kinh tế chính trị thế giới đây biến động là không thể xem nhẹ - rõ nhất là tác động làm giảm sút xuất khẩu, đặc biệt ảnh hưởng là xuất khẩu dầu mỏ.

+ Các biện pháp điều hành của chính phủ đang phát huy tác dụng (rõ ràng nhất là: tổng thu ngân sách đạt cao nhất so với mấy năm gần đây: 25% kế hoạch)

Thông điệp rõ ràng nhất từ hệ thống số liệu là: Các yếu tố thuận lợi là căn bản và đang đảm bảo sự phát triển ổn định của nền kinh tế, vì thế cần tiếp tục đẩy mạnh các định hướng phát triển kinh tế xã hội đã được quốc hội thông qua; cố gắng giảm tối đa tác động tiêu cực từ tình hình kinh tế chính trị biến động trên thế giới; với thực tế này chúng ta hoàn toàn có thể hy vọng đạt được các kết quả lạc quan từ thực trạng nền kinh tế hiện nay.

Thiên Sơn

Viết theo nguồn số liệu: Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý I - 2002 của TCTK